

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung  
trong lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ thuộc phạm vi  
chức năng quản lý của Sở Công Thương**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện Cấp điều chỉnh, Cấp lại Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 61/TTr-SCT ngày 24 tháng 02 năm 2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương theo Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 2.** Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

**Điều 3.** Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thiết lập cấu hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT tỉnh;
- Lưu: VT, XDCT, PVHCC<sup>KSTT</sup>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Hải Giang**

DANH MỤC 02 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

| STT                                                                                                                  | Tên TTHC                                                                                                         | Thời hạn giải quyết                                                | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                                                                                                                                          | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Nội dung sửa đổi, bổ sung                       | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                     | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------|
|                                                                                                                      | Mã TTHC                                                                                                          |                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                   |                       |                      |                                                 |                                                                                                                                                                                                                    |                 |                                          |
| Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 179/QĐ-BCT ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương |                                                                                                                  |                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                   |                       |                      |                                                 |                                                                                                                                                                                                                    |                 |                                          |
| 1                                                                                                                    | Cấp điều chỉnh Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh<br><br>1.014818.H21 | 30 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia. | Có                                | Một phần              | -                    | - Cơ quan giải quyết TTHC;<br>- Căn cứ pháp lý. | - Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 65/2025/TT-BCT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;<br>- Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 14/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh. | -               | X                                        |
| 2                                                                                                                    | Cấp lại Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết                                                         | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ                        | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính                                                                                                                                                                                                                             | Có                                | Một phần              | -                    | - Cơ quan giải quyết TTHC;<br>- Căn cứ          | - Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025 của Chính phủ;<br>- Thông tư số                                                                                                                                       | -               | X                                        |

[illegible]